

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

Giám thị 2:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn
- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
02	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
03	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
04	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
05	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
06	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
07	☐ A	☒	☐ C	☐ D	
08	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
09	☐ A	☒	☐ C	☐ D	
10	☐ A	☒	☐ C	☐ D	
11	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
12	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
13	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
14	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
15	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
16	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
17	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
18	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
19	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
20	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
21	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
22	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
23	☐ A	☐ B	☒	☐ D	
24	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
25	☐ A	☒	☐ C	☐ D	
26	☒	☐ B	☐ C	☐ D	
27	☐ A	☐ B	☐ C	☒	
28	☐ A	☒	☐ C	☐ D	
29	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
30	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
31	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
32	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
33	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
34	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
35	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
36	☒	☐ B	☐ C	☐ D	☒
37	☒	☐ B	☐ C	☐ D	☒
38	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
39	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
40	☒	☐ B	☐ C	☐ D	☒